

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 168/2024/HS-PT
Ngày: 20 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hùng Cường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Lê Huy.

Ông Trần Văn Đạt.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Mơ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 159/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Võ Thanh H và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 78/2024/HS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Võ Thanh H, sinh ngày 19/01/1996, tại tỉnh Bến Tre. Thẻ CCCD: 083096007570; Nơi cư trú: Số G ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh M và bà Võ Thị Đ; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự, tiền án: không;

- Nhân thân: Ngày 24/9/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 05 (năm) tù về tội Cố ý gây thương tích, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2018 (đã xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/9/2023, tạm giam từ ngày 04/10/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Nguyễn N, sinh ngày 02/11/1986, tại tỉnh Tiền Giang. Thẻ CCCD: 082086012702; Nơi cư trú: Số A khu phố T, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Đình Đ1 (đã chết) và con bà Huỳnh Thị Phương T; Vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: + Ngày 14/02/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/02/2012 (đã xóa án tích).

+ Ngày 12/7/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố T áp dụng biện pháp xử lý đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng, chấp hành xong ngày 07/02/2019.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Ngân hàng N5 chi nhánh T4 - Phòng giao dịch khu Công nghiệp M.(vắng mặt)

Địa chỉ: Số F ấp B, xã T, TP M, Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Võ Tuấn T1, sinh năm 1992. (vắng mặt)

+ Thái Thị Kim H1, sinh 1995. (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Số G, ấp P, xã P, TP M, Tiền Giang.

* Người làm chứng:

1/ Lê Văn C, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số A H, phường H, TP M, Tiền Giang.

2/ Thái Thị Kim N1, sinh năm 1968.(vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, TP M, Tiền Giang.

3/ Nguyễn Thị Mỹ N2, sinh năm 1985.(vắng mặt)

Nơi cư trú: Số B, ấp D, xã Đ, TP M, Tiền Giang.

4/ Lê Thành S, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số A tổ B, KKP. trung L, phường A, TP M, Tiền Giang.

5/ Nguyễn Tường P, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số A H, phường A, TP M, Tiền Giang.

6/ Nguyễn Vi M1, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số A L, phường F, TP M, Tiền Giang.

7/ Bùi Cao H2, sinh năm 1974. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số A ấp P, xã P, TP M, Tiền Giang.

8/ Nguyễn Thị Lê V, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số H tổ G, ấp B, ấp D, xã Đ, TP M, Tiền Giang.

Ngoài ra bản án còn có bị hại và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thất nghiệp, thiếu nợ không tiền chi trả, tiêu xài cá nhân, nên Võ Thanh H nảy sinh ý định dùng súng đi cướp ngân hàng. Sáng ngày 25/9/2023, tại nhà của H ở số G, ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, H dùng vật dụng thu nhặt được trong quá trình đi làm các công trình dân dụng, chế tạo 01 khẩu súng có đặc điểm bằng kim loại màu trắng, 01 đầu có kích thước dài 28,5cm, rộng 3,5cm, dày

02cm, một đầu nhô ra đoạn kim loại hình trụ dài 02cm, có đường kính ngoài 12mm, đường kính lỗ 07mm, tay nắm có kích thước dài 12cm, rộng 3,5cm, dày 1,7cm và một bộ phận kim loại dài 14,5cm, rộng 2,5cm, dày 1,2cm, dùng ống đồng của tủ lạnh và lưu huỳnh chế tạo 02 viên đạn, nạp vào khẩu súng.

Khoảng 14 giờ ngày 25/9/2023, H mặc áo khoác màu xám tay dài, quần jean dài màu xanh, đội mũ bảo hiểm màu vàng, đeo khẩu trang y tế màu xanh, mang dép kẹp màu nâu điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 63B3-382.74 (xe đã mất biển số), đem theo 01 (một) túi vải màu đen bên trong có 01 (một) khẩu súng tự chế và 01 (một) gói được quấn băng keo đến Phòng giao dịch khu công nghiệp M của Ngân hàng N5 chi nhánh tỉnh T4 ở số F, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. H dựng xe mô tô phía trước sân, cầm túi vải màu đen đi vào bên trong quầy giao dịch, lấy súng tự chế trong túi vải ra bắn một phát, yêu cầu anh Trần Văn N3, là giao dịch viên đưa tiền, do anh N3 chưa đưa tiền nên H ném một gói được quấn băng keo lên bàn, đe dọa là thuốc nổ và ném túi vải màu đen yêu cầu nhân viên ngân hàng để tiền vào túi vải, nhưng không có nhân viên nào đưa tiền nên H tiếp tục cầm súng đi xung quanh đe dọa các nhân viên trong phòng giao dịch, buộc đưa tiền. Lúc này, anh Lê Văn C, là giao dịch viên bấm chuông báo động, sợ bị phát hiện, H đi ra lấy xe tẩu thoát và làm rơi khẩu súng tại phòng giao dịch. Trên đường tẩu thoát, để tránh bị phát hiện, H cởi áo khoác, quần jean, nón bảo hiểm, khẩu trang bỏ ở dọc đường, khi đến cổng Khu công nghiệp L ở Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang thì gặp anh ruột tên Võ Tuấn T1 đi làm về, H xin T1 số tiền 30.000 đồng để đổ xăng, rồi chạy xe đến quán nước của chị Thái Thị Kim N1, để gửi xe và đi bộ về nhà lấy quần áo để bỏ trốn.

Khoảng 17 giờ ngày 25/9/2023, H gọi điện cho Đỗ Nguyễn N nói dối đang bị cảnh sát giao thông rượt đuổi, nhờ được gửi xe và ở lại nhà N. Khoảng 18 giờ 30 cùng ngày, N điều khiển xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát số 63C1-423.37 đến cổng Khu công nghiệp T gặp H. N cùng H mỗi người chạy 01 xe mô tô về nhà của N ở số A khu phố T, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. N cho H để xe mô tô 63B3-382.74 tại khu vực nhà bếp nhà N.

Ngày 25/9/2023, N chở H đến nhà của Nguyễn Thị Mỹ N2, Ấp D, xã Đ, thành Phố M, tỉnh Tiền Giang để cho H ở cùng với Lê Thành S. Khoảng 19 giờ ngày 26/9/2023, trong lúc ngồi cùng N, N2, H và S tại phòng khách nhà N2, biết N thích làm móc khóa nên H cho N 07 (bảy) viên đạn. N đem 07 (bảy) viên đạn đem về nhà cất giấu tại phòng ngủ của mình.

Khoảng 17 giờ 27/9/2023, N ghé nhà N2 thăm H thì biết được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã bắt H. Công an mời N làm việc và N khai nhận có cất giữ của H 01 xe mô tô hai bánh (nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu đen xám, xe không gắn biển số, số khung RLCE55P10EY442521, số máy 55P1442534) và 07 viên đạn. Sau đó, Công an tiến hành khám xét nhà N và thu giữ.

Biên bản khám nghiệm hiện trường lập lúc 14 giờ 50 ngày 29/5/2023, tại Phòng giao dịch Khu công nghiệp M của Ngân hàng N5 chi nhánh tỉnh T4, tọa lạc số 668, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, xác định:

Hướng Đông tiếp giáp với T2 tạp hóa Thông số 154, Ngô Gia T3, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Hướng Tây tiếp giáp với L1 bánh mì Lộc Phát, số 158, Ngô Gia T3, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Hướng Nam tiếp giáp với đường N.

Hướng Bắc tiếp giáp với nhà dân.

Phòng giao dịch được xây dựng kiên cố với vách tường, nền lót gạch, gồm có một tầng hầm để xe và 03 tầng lầu. Hướng N4 là sân bê tông có diện tích là (12x6)m, quan sát trên sân cách mép hướng Bắc đường Ngô Gia Tự 160cm về hướng Bắc, cách vách tường hướng Đ1 là 590 cm về hướng Đông là vị trí phát hiện 01 vật bằng kim loại màu trắng nghi là súng tự chế, phần có kích thước là dài 28,5cm, rộng 3,5cm, dày 02cm, một đầu nhô ra đoạn kim loại hình trụ dài 02cm, có đường kính ngoài là 12mm, đường kính lỗ là 07mm, bộ phận kim loại được hàn dính với trên không thể tháo rời nghi là tay nắm có kích thước là dài 12cm, rộng 3,5cm, dày 1,7cm và một bộ phận kim loại dài 14,5cm, rộng 2,5cm, dày 1,2cm nghi là hộp tiếp đạn có thể tháo rời, giữa thân bên dưới có bộ phận kim loại nghi là cò bóp. Ngoài ra, không phát hiện gì thêm trên sân. Hướng B là cầu thang dẫn lên tầng 1 của Phòng giao dịch, tiếp đến là cửa kính ra vào Phòng giao dịch, cửa quay về hướng Nam gồm 04 cánh ở tư thế mở bình thường. Tiếp tục về hướng Bắc là khu giao dịch tầng 1 có diện tích là (13,2x7,8)m, quan sát trong khu giao dịch trên mặt nền cách cửa kính là 297cm về hướng Nam, cách vách tường hướng Tây là 203cm về hướng Tây là vị trí phát hiện một mảnh kim loại có kích thước là (1,5x01)cm. Cách mảnh vỡ kim loại 193cm về hướng Bắc là dãy bàn gỗ được xếp tiếp nối với nhau thành quầy giao dịch hình vòng cung từ hướng Tây sang hướng Đ và hướng Nam sang hướng Bắc, quan sát trên bàn giao dịch ở hướng Nam phát hiện 01 vật hình chữ nhật có kích thước (17x8x4)cm được gói kín, vật cách mép bàn hướng Bắc 45cm, cách mép bàn hướng Tây 38cm, tiếp đến trên bàn cách vị trí vật được gói kín là 70cm về hướng Đông Nam là vị trí của 01 khay nhựa màu trắng đựng giấy tờ, khay được đặt quay về hướng Nam, khay có kích thước là (22x12,5)cm, cao 30cm, quan sát ở mặt hướng Tây của khay, cách mặt bàn lên 18cm, cách cạnh hướng Bắc 03cm là vị trí phát hiện vết ám khói và trượt nhựa kích thước (1,8x0,5)cm. Tiếp tục quan sát về hướng Bắc, cách vị trí vật được gói kín là 392cm, cách vách tường hướng Tây 210cm về hướng Tây là vị trí phát hiện 01 túi xách vải màu đen có kích thước là dài 12cm, đường kính là 25cm, có 02 quai xách bằng vải màu đen, bên trong túi xách không có gì. Tiếp tục quan sát các vị trí khác trong Phòng giao dịch không phát hiện gì thêm.

Kết luận giám định số 6198/KL-KHS ngày 26/9/2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

1. Khẩu súng gửi giám định là súng chế tạo thủ công có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí quân dụng, thuộc nhóm vũ khí quân dụng.

2. Vỏ đạn và mảnh kim loại gửi giám định là vỏ đạn và đầu đạn bị biến dạng của đạn thể thao cỡ (5,6x15,5)mm, không phải vũ khí quân dụng.

Kết luận giám định số 6200+6327/KL-KTHS ngày 03/10/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

Trên mẫu ký hiệu E3 có dính tế bào người. Phân tích AND từ mẫu tế bào này được kiểu gen của Võ Thanh H và kiểu gen nữ giới đủ điều kiện truy nguyên;

Trên mẫu ký hiệu E1,E2 có dính tế bào người. Phân tích AND từ các mẫu tế bào này được kiểu gen không đủ điều kiện truy nguyên.

Lưu các kiểu gen trên Phân Viện khoa học hình sự Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công An.

Kết luận giám định số 6199/KL-KTHS ngày 31/10/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

Không phát hiện thấy dấu vết đường vân đủ yếu tố giám định truy nguyên trên các mẫu vật gửi tới giám định.

Kết luận giám định số 1807/KL-KTHS(DD2) ngày 28/11/2023 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận:

Đạn gửi giám định ký hiệu A1 là đạn thể thao cỡ (5,6x15,5)mm, thuộc vũ khí thể thao và không phải đạn quân dụng.

Đạn gửi giám định ký hiệu từ A2 đến A7 là đạn quân dụng cỡ (7.62x39)mm, thuộc vũ khí quân dụng.

Kết luận giám định số 1806/KL-KTHS(DD2) ngày 20/12/2023 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận:

Không trích xuất được dữ liệu trong bộ nhớ điện thoại di động giám định do điện thoại không kết nối được với thiết bị giám định.

Số thuê bao của sim điện thoại trong máy là: 035.656.1463.

Ngoài ra còn thu giữ các tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án.

Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2024/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Võ Thanh H phạm tội “Cướp tài sản” và tội “Chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, bị cáo Đỗ Nguyễn N phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

1.1 Áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 168 và khoản 1 Điều 304, Điều 38, Điều 50, Điều 55 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Võ Thanh H 09 năm tù về tội Cướp tài sản; 04 năm tù về Tội chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 13 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là 28/9/2023.

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 304, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Nguyễn N 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/7/ 2024 bị cáo Võ Thanh H kháng cáo với nội dung: Kêu oan

Ngày 23/7/2024 bị cáo Đỗ Nguyễn N kháng cáo với nội dung: Xin được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa: Các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang trong phần tranh luận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, mức án Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với các bị cáo là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên kháng cáo của các bị cáo là không có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Nguyễn N thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Bản án sơ thẩm đã xử. Riêng Võ Thanh H không thừa nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên qua xét hỏi công khai tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo H trong suốt quá trình điều tra, lời khai bị hại, các nhân chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan... đã thể hiện: Do cần tiền tiêu sài và trả nợ nên Võ Thanh H nảy sinh ý định cướp ngân hàng. Vào sáng ngày 25/9/2023 tại số G, ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, H đã tự chế tạo 01 khẩu súng có tính năng, tác dụng như vũ khí quân dụng. Khoảng 14 giờ cùng ngày, H mang theo khẩu súng và 02 viên đạn đến phòng giao dịch Khu công nghiệp M của Ngân hàng N5 chi nhánh T4 dùng súng bắn 01 phát đe dọa, yêu cầu nhân viên phòng giao dịch để tiền vào giỏ xách của H. Do nhân viên phòng giao dịch bấm chuông báo động nên H ném súng bỏ trốn. Đến khoảng 19 giờ ngày 26/9/2023 được H cho 07 viên đạn, trong đó có 06 viên đạn là vũ khí quân dụng, mặc dù biết rõ pháp luật nghiêm cấm tàng trữ trái phép, nhưng Đỗ Nguyễn N vẫn nhận và mang về nhà cất giữ.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo Võ Thanh H phạm tội “Cướp tài sản” và tội “Chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo điểm d, g khoản 2 Điều 168 và khoản 1 Điều 304, bị cáo Đỗ Nguyễn N phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng. Trong đó bị cáo Võ Thanh H cùng một lúc phạm hai tội, khi phạm tội thì rất táo tợn, liều lĩnh thực hiện hành vi phạm tội cướp tài sản tại Ngân hàng ngay giữa ban ngày, nơi có rất đông người chứng tỏ bị cáo rất xem thường pháp luật, quá trình điều tra còn quanh co chưa thật sự thành khẩn. Đối với bị cáo Đỗ Nguyễn N vẫn biết pháp luật nghiêm

cấm việc tàng trữ, sử dụng...trái phép vũ khí quân dụng nhưng vẫn cố ý nhận 07 viên đạn, trong đó có 06 viên đạn là vũ khí quân dụng từ bị cáo **H** về nhà cất giấu. Hành vi này đã trực tiếp xâm phạm đến sở hữu tài sản hợp pháp của tổ chức, cá nhân, tính mạng, sức khỏe của người khác, xâm phạm đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng của Nhà nước, gây hoang mang lo sợ bất bình trong nhân dân làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn tại địa phương. Cho nên cần thiết phải được xử lý thật nghiêm khắc mới có tác dụng cải tạo răn đe và phòng ngừa.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với Võ Thanh H như đã nhận định trên nên kháng cáo kêu oan là hoàn toàn không có cơ sở. Bị cáo N khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, cùng với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo mức án 01 năm 03 tháng tù là thỏa đáng, do bị cáo phạm tội nghiêm trọng và có nhân thân xấu, đồng thời tại cấp phúc thẩm không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Thanh H và Đỗ Nguyễn N.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2024/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên bố bị cáo Võ Thanh H phạm tội “Cướp tài sản” và tội “Chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, bị cáo Đỗ Nguyễn N phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

1.1 Áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 168 và khoản 1 Điều 304; Điều 38; Điều 50; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Võ Thanh H 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”; 04 năm tù về tội “Chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là 28/9/2023.

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 304; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Nguyễn N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Võ Thanh H, Đỗ Nguyễn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND tỉnh Tiền Giang; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang; (1)
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang; (1)
- Trại Tạm giam CA tỉnh Tiền Giang; (1)
- TAND thành phố T; (2)
- VKSND thành phố T; (1)
- Công an thành phố T; (1)
- THADS thành phố T; (1)
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Hùng Cường